

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	05-43
Bảng cân đối kế toán riêng	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10-43

10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 02 tháng 08 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Doãn Thị Bích Ngọc	Chủ tịch	
Ông Mai Hoài An	Phó Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 24/11/2023
	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 29/06/2023
Ông Lâm Thiếu Quân	Thành viên	
Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	
Ông Đinh Hoài Châu	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Trung	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 29/06/2023
Ông Trần Bằng Việt	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 29/06/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/08/2023
Ông Lâm Thiếu Quân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/08/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng ban	
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên	
Bà Trần Thị Thu Tâm	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 29/06/2023
Bà Mai Ngọc Phượng	Thành viên	Từ nhiệm ngày 01/08/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận
Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Vĩnh Thuận

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2024

Số: 300524.001/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong được lập ngày 30 tháng 05 năm 2024, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2024

Lê Trường Long

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5480-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2024	01/04/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		169.153.324.071	149.951.812.739
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	55.871.253.244	26.219.617.994
111	1. Tiền		54.261.253.244	8.219.617.994
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.610.000.000	18.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		104.136.795.064	95.505.040.427
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	173.111.153.851	116.704.786.160
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	8.552.348.165	2.252.122.909
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	1.680.882.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	6.079.529.465	9.743.722.369
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(85.287.118.417)	(33.195.591.011)
140	IV. Hàng tồn kho	10	9.091.616.952	27.501.635.519
141	1. Hàng tồn kho		23.856.869.658	30.099.739.918
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(14.765.252.706)	(2.598.104.399)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		53.658.811	725.518.799
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	53.658.811	74.203.313
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	650.838.812
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	-	476.674
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		202.910.795.198	227.413.550.597
220	II. Tài sản cố định		45.789.629.079	46.930.706.960
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	30.716.619.085	31.496.258.514
222	- Nguyên giá		72.505.571.448	71.390.942.630
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(41.788.952.363)	(39.894.684.116)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	15.073.009.994	15.434.448.446
228	- Nguyên giá		26.696.482.435	25.717.714.435
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.623.472.441)	(10.283.265.989)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	-	430.660.800
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	430.660.800
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	156.812.051.888	178.329.051.888
251	1. Đầu tư vào công ty con		188.100.951.888	208.100.951.888
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		6.000.000.000	5.310.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.367.100.000	7.367.100.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(44.656.000.000)	(42.449.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		309.114.231	1.723.130.949
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	309.114.231	1.723.130.949
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		372.064.119.269	377.365.363.336

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2024	01/04/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		146.161.413.181	108.418.809.979
310	I. Nợ ngắn hạn		141.065.045.793	75.459.515.117
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	49.306.379.179	16.742.239.671
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	10.494.671.050	6.454.612.931
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.930.699.624	50.148.226
314	4. Phải trả người lao động		5.647.432.135	200.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	11.747.135.945	3.133.230.209
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	503.899.775	22.123.978.223
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	58.857.510.883	25.053.544.967
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	911.332.597	1.108.162.227
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		665.984.605	793.398.663
330	II. Nợ dài hạn		5.096.367.388	32.959.294.862
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	552.692.000	924.717.950
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	-	30.000.000.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	21	4.526.401.343	1.870.225.143
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		17.274.045	164.351.769
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		225.902.706.088	268.946.553.357
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	225.902.706.088	268.946.553.357
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		245.335.910.000	245.335.910.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		245.335.910.000	245.335.910.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(721.880.000)	(721.880.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		-	3.604.360.982
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(18.711.323.912)	20.728.162.375
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		24.332.523.357	4.816.313.752
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(43.043.847.269)	15.911.848.623
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		372.064.119.269	377.365.363.336

Phạm Thị Bích Thảo
Người lập

Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thuận
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Từ ngày 01/04/2023 đến ngày 31/03/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2023	Từ 01/04/2022
			đến 31/03/2024	đến 31/03/2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	325.712.833.954	126.898.194.524
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	19.677.300	154.600.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		325.693.156.654	126.743.594.524
11	4. Giá vốn hàng bán	26	287.838.671.689	89.914.392.890
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.854.484.965	36.829.201.634
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	17.233.008.262	33.313.397.075
22	7. Chi phí tài chính	28	9.068.420.029	8.447.882.876
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.445.080.886	4.404.259.378
25	8. Chi phí bán hàng	29	20.604.438.718	21.438.057.869
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	69.170.879.001	26.227.265.268
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(43.756.244.521)	14.029.392.696
31	11. Thu nhập khác	31	1.176.948.096	2.009.431.310
32	12. Chi phí khác	32	420.145.987	126.975.383
40	13. Lợi nhuận khác		756.802.109	1.882.455.927
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(42.999.442.412)	15.911.848.623
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	28.484.582	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(43.027.926.994)	15.911.848.623

Phạm Thị Bích Thảo
Người lập

Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thuận
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Từ ngày 01/04/2023 đến ngày 31/03/2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2023	Từ 01/04/2022
			đến 31/03/2024	đến 31/03/2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(42.999.442.412)	15.911.848.623
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.234.474.699	3.009.821.515
03	- Các khoản dự phòng		71.348.422.564	13.620.001.741
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		93.662.532	(3.340.941)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(16.475.628.522)	(33.548.524.445)
06	- Chi phí lãi vay		4.445.080.886	4.404.259.378
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(162.997.999)	730.067.973
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.483.571.748	4.124.133.844
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(60.108.400.107)	20.254.553.563
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		6.242.870.260	(6.809.674.737)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		32.383.886.583	(13.553.651.500)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.434.561.220	306.600.258
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.172.938.865)	(3.626.023.205)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(28.484.582)	(394.642.098)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(127.414.058)	(723.476.526)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.892.347.801)	(422.180.401)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.662.736.018)	(1.146.953.600)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	272.727.273
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.680.882.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	224.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.000.000.000)	(93.717.340.800)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		20.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.079.543.791	31.629.062.684
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		31.735.925.773	(62.738.504.443)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Từ ngày 01/04/2023 đến ngày 31/03/2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024 VND	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	10.635.730.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		110.676.616.427	91.736.287.828
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(106.872.650.511)	(40.680.424.801)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(74.991.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.803.965.916	61.616.601.627
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		29.647.543.888	(1.544.083.217)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		26.219.617.994	27.764.239.420
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.091.362	(538.209)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>55.871.253.244</u>	<u>26.219.617.994</u>

Phạm Thị Bích Thảo
Người lập

Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thuận
Tổng Giám đốc,

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Từ ngày 01/04/2023 đến ngày 31/03/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 02 tháng 08 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 245.335.910.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2024 là 245.335.910.000 VND; tương đương 24.533.591 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 là: 72 người (tại ngày 01 tháng 04 năm 2023 là: 93 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ và lắp đặt.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Số lượng dự án hạ tầng giao thông và viễn thông tin học mà Công ty thực hiện trong năm nay tăng so với năm trước, do đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 198,815 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 156,67%).

Tuy nhiên, việc nhiều đơn vị mà Công ty đang đầu tư vốn có hoạt động kinh doanh không hiệu quả trong năm dẫn đến việc Công ty nhận được cổ tức, lợi nhuận được chia thấp hơn so với năm trước, từ đó làm cho doanh thu hoạt động tài chính giảm 16,08 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 48,27 %) so với năm trước. Ngoài ra, Công ty cũng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá khó có khả năng thu hồi với giá trị lớn dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 42,944 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 163,74%) so với năm trước.

Tổng hòa các nguyên nhân trên làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty giảm mạnh 58,911 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 370,24%) so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	TP. Hà Nội	Văn phòng đại diện

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 năm sau. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định.
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước.
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính.
- Ước tính tỷ lệ phần trăm hoàn thành của doanh thu.
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	26 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	02 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	31 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm



2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 05 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí thi công công trình... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa không quá 5% trên doanh thu. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là: Hàng bán bị trả lại.

Hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Việc trích trước chi phí để tạm tính hoạt động mua bán, cung cấp dịch vụ viễn thông tin học và hạ tầng giao thông nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán được phê duyệt, đã phát sinh thực tế nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần hàng hóa, dịch vụ đã hoàn thành trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa đã bán, dịch vụ đã hoàn thành.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
Tiền mặt	285.327.869	334.809.204
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.975.925.375	7.884.808.790
Các khoản tương đương tiền	1.610.000.000	18.000.000.000
	<u>55.871.253.244</u>	<u>26.219.617.994</u>

Tại ngày 31/03/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 1.610.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 2,9%/năm.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	188.100.951.888	(33.991.000.000)	208.100.951.888	(34.154.000.000)
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	29.174.984.223	-	29.174.984.223	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	12.916.954.100	(1.012.000.000)	12.916.954.100	-
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	9.817.036.601	-	9.817.036.601	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	37.204.976.964	(31.202.000.000)	37.204.976.964	(31.615.000.000)
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	89.987.000.000	-	89.987.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong ⁽¹⁾	-	-	20.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	9.000.000.000	(1.777.000.000)	9.000.000.000	(2.539.000.000)
Đầu tư vào Công ty liên kết	6.000.000.000	(3.859.000.000)	5.310.000.000	(3.017.000.000)
- Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong ⁽²⁾	-	-	2.310.000.000	(2.310.000.000)
- Công ty Cổ phần Intelnet ⁽³⁾	6.000.000.000	(3.859.000.000)	3.000.000.000	(707.000.000)
Đầu tư vào đơn vị khác	7.367.100.000	(6.806.000.000)	7.367.100.000	(5.278.000.000)
- Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	7.367.100.000	(6.806.000.000)	7.367.100.000	(5.278.000.000)
	201.468.051.888	(44.656.000.000)	220.778.051.888	(42.449.000.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

- (1) Doanh nghiệp đã giải thể căn cứ vào Thông báo số 192145/24 ngày 04/04/2024 của Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại.
- (2) Doanh nghiệp đã giải thể căn cứ vào Thông báo số 726537/23 ngày 26/09/2023 của Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại.
- (3) Công ty đã góp thêm 3.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Intelnet theo Thông báo số 01/2023/TB-INT ngày 22/03/2023 về việc góp vốn đợt 2 của các cổ đông Công ty. Việc góp thêm vốn điều lệ này đã được Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận tại Nghị quyết số 009/2021/NQ-HĐQT-CBTT ngày 17/05/2022.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh 40.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty con</i>				
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	TP. Hồ Chí Minh	48,23%	51,44%	Buôn bán thiết bị điện tử, viễn thông; Cho thuê trạm BTS.
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	TP. Hồ Chí Minh	88,98%	88,98%	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng.
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	TP. Hồ Chí Minh	98,80%	98,80%	Mua bán camera giám sát, báo trộm, âm thanh thông báo, thiết bị đo lường công nghiệp, dân dụng; Mua bán thiết bị điện, điện tử.
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	TP. Hồ Chí Minh	78,21%	78,21%	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng.
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Sản xuất phần mềm tin học.
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất phần mềm tin học.
<i>Công ty liên kết</i>				
- Công ty Cổ phần Intelnet	TP. Hồ Chí Minh	45,42%	45,42%	Lập trình máy vi tính.
<i>Đơn vị khác</i>				
- Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	TP. Hà Nội	2,00%	2,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	1.121.154.156	-	1.004.823.165	-
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	109.647.767	-	394.176.608	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	1.011.506.389	-	88.351.143	-
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	-	-	353.444.400	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	-	-	163.181.014	-
	-	-	5.670.000	-
<i>Bên khác</i>				
- Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam - Công ty Cổ phần	171.989.999.695	(81.787.118.417)	115.699.962.995	(29.582.190.730)
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	554.693.313	-	10.604.694.370	-
- Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	68.732.338.970	(68.732.338.970)	68.599.423.798	(18.867.892.922)
- Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	9.002.915.540	-	9.007.332.740	-
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng 194	47.984.190.662	-	-	-
- Các khách hàng khác	19.049.425.677	-	-	-
	26.666.435.533	(13.054.779.447)	27.488.512.087	(10.714.297.808)
	173.111.153.851	(81.787.118.417)	116.704.786.160	(29.582.190.730)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên khác</i>				
- Trường Cao đẳng Đường sắt	742.153.927	-	742.153.927	-
- Công ty Cổ phần VTM Việt Nam	-	-	261.000.000	-
- Công ty TNHH GSI	-	-	617.551.424	-
- Hansway Co., Ltd	5.983.766.460	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	1.826.427.778	-	631.417.558	-
	8.552.348.165	-	2.252.122.909	-

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/04/2023		Trong năm		31/03/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên liên quan</i>						
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến (*)	-	-	1.680.882.000	-	1.680.882.000	-
	-	-	1.680.882.000	-	1.680.882.000	-

(*) Cho Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến vay tiền theo Hợp đồng cho vay tiền số 05122023-01/TTD-AIT ngày 05/12/2023, thời hạn vay 01 năm, không có đảm bảo, lãi suất 10%/năm, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh và đầu tư.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

8 . PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Chi tiết				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	1.679.033.881	(113.400.281)
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	44.567.646	-	82.849.315	-
- Tạm ứng	125.742.172	-	111.156.000	-
- Ký cược, ký quỹ	1.453.976.326	-	1.617.535.660	-
- Cho mượn	3.600.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
- Phải thu quỹ phúc lợi	180.637.000	-	737.737.193	-
- Phải thu phí chia sẻ tiện ích	405.600.000	-	66.555.073	-
- Phải thu người lao động	191.385.975	-	1.948.855.247	-
- Phải thu khác	77.620.346	-	-	-
	6.079.529.465	(3.500.000.000)	9.743.722.369	(3.613.400.281)
b) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	43.288.468	-	48.848.367	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	105.354.000	-	497.982.073	-
- Công ty TNHH Global Sitem	75.283.000	-	240.581.826	-
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	100.000.000	-	16.880.000	-
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	-	-	1.565.633.600	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	405.600.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
- Ông Lâm Thiệu Quân	-	-	251.627.544	-
- Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	-	-	138.804.312	-
- Bà Đỗ Thị Thu Hà	-	-	68.079.055	-
- Bà Trương Thị Phương Dung	32.619.745	-	77.866.824	-
	4.262.145.213	(3.500.000.000)	6.406.303.601	(3.500.000.000)

9 . NỢ XẤU

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>82.198.056.664</i>	<i>410.938.247</i>	<i>35.770.639.157</i>	<i>6.188.448.427</i>
- Công ty Cổ phần 715	2.196.346.285	-	2.196.346.285	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương	3.896.814.588	-	3.896.814.588	-
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	68.732.338.970	-	25.056.341.349	6.188.448.427
- Các khoản khác	7.372.556.821	410.938.247	4.621.136.935	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>3.500.000.000</i>	<i>-</i>	<i>3.613.400.281</i>	<i>-</i>
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
- Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tín Thông	-	-	113.400.281	-
	<u>85.698.056.664</u>	<u>410.938.247</u>	<u>39.384.039.438</u>	<u>6.188.448.427</u>

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.702.165.456	(12.219.575.975)	20.713.421.067	-
Hàng hoá	4.154.704.202	(2.545.676.731)	9.386.318.851	(2.598.104.399)
	<u>23.856.869.658</u>	<u>(14.765.252.706)</u>	<u>30.099.739.918</u>	<u>(2.598.104.399)</u>

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm và đầu năm:

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
- Dự án đường sắt IVU&VNR	10.286.488.725	10.259.361.452
- Dự án hệ thống thu phí không dừng ETC cho 13 Trạm thu phí - Giai đoạn 2	1.987.341.796	1.987.287.251
- Dự án đầu tư lắp đặt hệ thống thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ điện tử không dừng tại Trạm thu phí BOT Phú	5.538.234.337	-
- Các dự án khác	1.890.100.598	8.466.772.364
	<u>19.702.165.456</u>	<u>20.713.421.067</u>

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
Phần mềm Fast Business Online	-	430.660.800
	<u>-</u>	<u>430.660.800</u>

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	50.300.949.660	17.382.379.853	1.919.578.182	1.788.034.935	71.390.942.630
- Mua trong năm	-	-	978.176.818	136.452.000	1.114.628.818
Số dư cuối năm	<u>50.300.949.660</u>	<u>17.382.379.853</u>	<u>2.897.755.000</u>	<u>1.924.486.935</u>	<u>72.505.571.448</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	19.075.288.478	17.382.379.853	1.919.578.182	1.517.437.603	39.894.684.116
- Khấu hao trong năm	1.703.217.900	-	40.757.367	150.292.980	1.894.268.247
Số dư cuối năm	<u>20.778.506.378</u>	<u>17.382.379.853</u>	<u>1.960.335.549</u>	<u>1.667.730.583</u>	<u>41.788.952.363</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	31.225.661.182	-	-	270.597.332	31.496.258.514
Tại ngày cuối năm	<u>29.522.443.282</u>	<u>-</u>	<u>937.419.451</u>	<u>256.756.352</u>	<u>30.716.619.085</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 29.522.443.282 VND.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.786.474.750 VND.

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	24.053.529.245	1.664.185.190	25.717.714.435
- Mua trong năm	-	978.768.000	978.768.000
Số dư cuối năm	24.053.529.245	2.642.953.190	26.696.482.435
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	9.565.969.275	717.296.714	10.283.265.989
- Khấu hao trong năm	767.665.836	572.540.616	1.340.206.452
Số dư cuối năm	10.333.635.111	1.289.837.330	11.623.472.441
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	14.487.559.970	946.888.476	15.434.448.446
Tại ngày cuối năm	13.719.894.134	1.353.115.860	15.073.009.994

(*) Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 45 Lô A1, Đường 20, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với diện tích 3.145 m², thời hạn thuê từ ngày 24/09/2012 đến ngày 23/09/2041 được sử dụng làm văn phòng Công ty và cho thuê.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 13.487.559.970 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 197.902.126 VND.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2024 VND	01/04/2023 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.333.942	19.960.675
Chi phí mua bảo hiểm	18.791.154	10.867.642
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	30.533.715	43.374.996
	53.658.811	74.203.313
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	146.723.807	326.161.778
Chi phí hội viên câu lạc bộ golf	-	545.979.098
Chi phí sửa chữa	162.390.424	817.229.438
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	33.760.635
	309.114.231	1.723.130.949

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẪN HẠN

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan				
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	9.441.895.967	9.441.895.967	7.044.657.774	7.044.657.774
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	-	-	856.000.000	856.000.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	1.131.392.968	1.131.392.968	26.166.205	26.166.205
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	93.381.569	93.381.569	93.381.569	93.381.569
- Công ty TNHH Global Sitem	781.406.430	781.406.430	-	-
Bên khác				
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Giao thông Đông Hải	39.864.483.212	39.864.483.212	9.697.581.897	9.697.581.897
- Trading and Solution Consulting Inc	531.520.000	531.520.000	797.280.000	797.280.000
- Delta Electronics India Private Limited	94.107.300	94.107.300	585.415.850	585.415.850
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Phát triển 194 Việt Nam	11.095.698.800	11.095.698.800	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Phát triển 194 Việt Nam	5.210.133.281	5.210.133.281	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn IDC	4.498.194.375	4.498.194.375	-	-
- Phải trả người bán khác	18.434.829.456	18.434.829.456	8.314.886.047	8.314.886.047
	49.306.379.179	49.306.379.179	16.742.239.671	16.742.239.671

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẪN HẠN

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên khác				
- Cty Ivu Traffic Technologies Ag-TC T/H Gói thầu EPC cho DA "HDH TT Điều Hành VT Đường sắt - OCC" tại VN	770.975.732	592.905.731	-	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	2.985.758.346	-	-	-
- Người mua trả tiền trước khác	6.737.936.972	5.861.707.200	-	-
	10.494.671.050	6.454.612.931		

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	476.674		-		11.790.735.486		10.430.104.504		-		1.360.154.308	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		926.443.871		926.443.871		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		-		28.484.582		28.484.582		-		-	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		50.148.226		1.123.160.634		1.077.469.542		-		95.839.318	
Các loại thuế khác	-		-		1.466.757.700		4.000.000		-		1.462.757.700	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		11.948.298		-		-		11.948.298	
	476.674		50.148.226		15.347.530.571		12.466.502.499		-		2.930.699.624	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	31/03/2024		01/04/2023	
	VND		VND	
- Chi phí lãi vay	54.385.696		-	
- Chi phí thi công công trình	11.176.083.582		175.048.391	
- Trích trước phí tư vấn phát hành ESOP và cổ tức bằng cổ phiếu	-		50.000.000	
- Chi phí phải trả khác	516.666.667		2.908.181.818	
	11.747.135.945		3.133.230.209	

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	318.163.440	318.163.440
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	38.132.300	38.132.300
- Phải trả lãi vay	-	782.243.675
- Phải trả tiền mượn	-	20.750.000.000
- Phải trả phí chia sẻ tiện ích	6.619.860	17.837.606
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	140.984.175	217.601.202
	<u>503.899.775</u>	<u>22.123.978.223</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	552.692.000	924.717.950
	<u>552.692.000</u>	<u>924.717.950</u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	-	20.750.000.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	-	763.307.767
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	6.619.860	12.064.086
	<u>6.619.860</u>	<u>21.525.371.853</u>

26 / VI H TC
 (C)



	01/04/2023		Trong năm		31/03/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
20 . CÁC KHOẢN VAY						
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	25.053.544.967	25.053.544.967	110.676.616.427	89.872.650.511	45.857.510.883	45.857.510.883
Vay cá nhân	-	-	22.000.000.000	22.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu ⁽²⁾	-	-	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
	<u>25.053.544.967</u>	<u>25.053.544.967</u>	<u>123.676.616.427</u>	<u>89.872.650.511</u>	<u>58.857.510.883</u>	<u>45.857.510.883</u>
b) Vay dài hạn						
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu ⁽²⁾	30.000.000.000	30.000.000.000	-	17.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000
	<u>30.000.000.000</u>	<u>30.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>17.000.000.000</u>	<u>13.000.000.000</u>	<u>13.000.000.000</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(13.000.000.000)	-	(13.000.000.000)	(13.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>30.000.000.000</u>	<u>30.000.000.000</u>				

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

- (1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/1303846/HĐTD ngày 29/09/2023, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định của Công ty.
- (2) Vay dài hạn Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu theo các hợp đồng vay tiền có thời hạn vay 02 năm, không có đảm bảo, lãi suất 9%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh và đầu tư.

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

c) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	31/03/2024		01/04/2023	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu (*)	13.000.000.000	-	30.000.000.000	757.534.247
	<u>13.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>30.000.000.000</u>	<u>757.534.247</u>

Ghi chú:

(*) Công ty con

21 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	911.332.597	1.108.162.227
	<u>911.332.597</u>	<u>1.108.162.227</u>
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	4.526.401.343	1.870.225.143
	<u>4.526.401.343</u>	<u>1.870.225.143</u>

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	213.436.540.000	(721.880.000)	3.604.360.982	25.218.233.347	241.537.254.329			
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.911.848.623	15.911.848.623			
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	21.263.640.000	-	-	(21.263.640.000)	-			
Phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP)	10.635.730.000	-	-	-	10.635.730.000			
Quyết toán Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	861.720.405	861.720.405			
Số dư cuối năm trước	245.335.910.000	(721.880.000)	3.604.360.982	20.728.162.375	268.946.553.357			
Số dư đầu năm nay	245.335.910.000	(721.880.000)	3.604.360.982	20.728.162.375	268.946.553.357			
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(43.027.926.994)	(43.027.926.994)			
Hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	(3.604.360.982)	3.604.360.982	-			
Quyết toán Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(15.920.275)	(15.920.275)			
Số dư cuối năm nay	245.335.910.000	(721.880.000)	-	(18.711.323.912)	225.902.706.088			

(*) Hoàn nhập số dư Quỹ đầu tư phát triển sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 29/06/2023.

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	245.335.910.000	213.436.540.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	31.899.370.000
- Vốn góp cuối năm	<u>245.335.910.000</u>	<u>245.335.910.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	38.132.300	113.123.700
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	-	(74.991.400)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	(74.991.400)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>38.132.300</u>	<u>38.132.300</u>
c) Cổ phiếu		
	31/03/2024	01/04/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.533.591	24.533.591
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	24.533.591	24.533.591
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Cổ phiếu phổ thông	72.188	72.188
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	24.461.403	24.461.403
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		
d) Các quỹ của Công ty		
	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	-	3.604.360.982
	-	<u>3.604.360.982</u>
23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
a) Ngoại tệ các loại		
	31/03/2024	01/04/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	3.080,11	3.469,71
- Đồng Euro (EUR)	202,35	223,54



b) Nợ khó đòi đã xử lý	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Sóng truyền thông	85.500.000	85.500.000
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hoàng Phúc	45.000.000	45.000.000
- Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân	7.658.500	7.658.500
- Khu Quản lý Đường bộ II	73.227.380	73.227.380
- Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ 494	40.000.000	40.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	113.400.281	-
- Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	2.310.000.000	-
	2.674.786.161	251.385.880
24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	302.792.892.063	106.695.484.978
Doanh thu cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	22.919.941.891	20.202.709.546
	325.712.833.954	126.898.194.524
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 40)	5.724.819.022	5.192.458.080
25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	19.677.300	154.600.000
	19.677.300	154.600.000
26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	266.443.026.126	73.605.338.077
Giá vốn của dịch vụ và kỹ thuật đã cung cấp	9.228.497.256	16.336.456.082
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12.167.148.307	(27.401.269)
	287.838.671.689	89.914.392.890
Trong đó: Tổng giá trị mua vào từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 40)	13.255.108.707	3.239.576.184

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay	118.496.522	586.661.772
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	13.614.539	28.096.701
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	720.619.080	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.357.132.000	32.689.135.400
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	21.599.061	6.162.261
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	3.340.941
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.547.060	-
	17.233.008.262	33.313.397.075
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 40)	16.400.420.468	32.689.135.400

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.445.080.886	4.404.259.378
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	12.676.611	69.623.498
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	93.662.532	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	4.517.000.000	3.974.000.000
	9.068.420.029	8.447.882.876
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 40)	2.707.849.315	3.035.342.467

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	283.506.219	398.302.009
Chi phí nhân công	18.593.025.981	19.520.617.797
Chi phí khấu hao tài sản cố định	281.799.990	107.266.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	715.302.669	550.815.440
Chi phí khác bằng tiền	730.803.859	861.055.959
	20.604.438.718	21.438.057.869
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 40)	35.464.781	12.714.250

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	227.954.457	317.648.711
Chi phí nhân công	12.942.025.980	10.391.409.495
Chi phí khấu hao tài sản cố định	237.470.579	80.851.454
Chi phí dự phòng	52.204.927.687	11.354.786.686
Thuế, phí, và lệ phí	82.093.329	70.990.794
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.276.722.649	3.125.708.063
Chi phí khác bằng tiền	199.684.320	885.870.065
	69.170.879.001	26.227.265.268
Trong đó: (Chi phí phân bổ chi phí chung cho các bên liên quan) (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 40)	(702.756.302)	(581.045.383)

31 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	272.727.273
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	983.980.769	1.573.948.837
Hoàn nhập Quỹ khoa học công nghệ	94.103.950	-
Thu nhập khác	98.863.377	162.755.200
	1.176.948.096	2.009.431.310
Trong đó: Thu nhập khác từ bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 40)	-	3.000.000

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Chi phí thanh lý thẻ golf	128.910.314	-
Các khoản bị phạt	63.758.925	118.637.627
Chi phí khác	227.476.748	8.337.756
	420.145.987	126.975.383

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(42.999.442.412)	15.911.848.623
Các khoản điều chỉnh tăng	5.020.469.443	440.279.959
- Chi phí không hợp lệ	693.885.079	440.279.959
- Chi phí lãi vay vượt ngưỡng	4.326.584.364	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(16.357.132.000)	(32.689.135.400)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(16.357.132.000)	(32.689.135.400)
Thu nhập tính thuế TNDN	(54.336.104.969)	(16.337.006.818)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	28.484.582	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-	394.642.098
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(28.484.582)	(394.642.098)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	-

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	511.460.676	715.950.720
Chi phí nhân công	31.993.749.200	29.912.027.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.181.500.925	2.834.463.883
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.466.992.205	19.414.405.153
Chi phí khác bằng tiền	58.586.328.174	5.147.097.863
	164.740.031.180	58.023.944.911

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.585.925.375	-	-	55.585.925.375
Phải thu khách hàng, phải thu khác	93.903.564.899	-	-	93.903.564.899
Các khoản cho vay	1.680.882.000	-	-	1.680.882.000
	151.170.372.274	-	-	151.170.372.274
Tại ngày 01/04/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.884.808.790	-	-	25.884.808.790
Phải thu khách hàng, phải thu khác	93.252.917.518	-	-	93.252.917.518
	119.137.726.308	-	-	119.137.726.308

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2024				
Vay và nợ	58.857.510.883	-	-	58.857.510.883
Phải trả người bán, phải trả khác	49.810.278.954	552.692.000	-	50.362.970.954
Chi phí phải trả	11.747.135.945	-	-	11.747.135.945
	120.414.925.782	552.692.000	-	120.967.617.782
Tại ngày 01/04/2023				
Vay và nợ	25.053.544.967	30.000.000.000	-	55.053.544.967
Phải trả người bán, phải trả khác	38.866.217.894	924.717.950	-	39.790.935.844
Chi phí phải trả	3.133.230.209	-	-	3.133.230.209
	67.052.993.070	30.924.717.950	-	97.977.711.020

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	110.676.616.427	91.736.287.828
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	106.872.650.511	40.680.424.801

37 . THÔNG TIN KHÁC

a) Thông tin về việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 29/06/2023, Công ty thông qua phương án phát hành 6.115.350 cổ phiếu với giá bán không thấp hơn 10.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; tỷ lệ thực hiện quyền là 100:25 (tức cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 100 quyền mua sẽ được mua 25 cổ phiếu phát hành thêm); thời gian thực hiện do Hội đồng quản trị quyết định; toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được cân đối sử dụng cho việc bổ sung vốn lưu động phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận định tình hình thị trường hiện nay chưa phù hợp để phát hành cổ phiếu và sẽ công bố thông tin phù hợp với quy định hiện hành.

b) Thông tin về vụ kiện với Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC

Vào ngày 30/10/2022, Công ty đã gửi đến Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC ("VETC") thanh toán các khoản nợ quá hạn với số tiền 61.425.222.328 VND và tiền lãi tạm tính là 23.339.041.056 VND (tổng số tiền phải trả là 84.764.263.384 VND). Tại phiên xử ngày 07/09/2023, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã ban hành Bản án số 78/2023/KDTM-ST về việc tranh chấp phát sinh từ hợp đồng cung ứng thiết bị, theo đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty. Buộc VETC phải trả cho Công ty tổng số tiền là 91.722.815.487 VND (trong đó 61.425.222.328 VND là số tiền nợ gốc còn phải trả và 30.297.593.160 VND là số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 07/09/2023).

Vào ngày 14/09/2023, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã nhận được đơn kháng cáo của VETC về bản án trên.

Tại phiên xử ngày 11/04/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Bản án phúc thẩm số 82/2024/KDTM-PT về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Theo đó, chấp nhận một phần kháng cáo của VETC, số tiền VETC phải trả cho Công ty giảm xuống còn 90.668.441.912 VND (trong đó số tiền nợ gốc còn phải trả là 59.925.222.327 VND, số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 07/09/2023 là 30.743.219.585 VND).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khoản công nợ với VETC khó có khả năng thu hồi, do đó Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ số nợ gốc còn phải thu và không ghi nhận số tiền lãi chậm trả theo quy định của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Tổng chi phí mua TSCĐ

Tài sản không phân bổ

Nợ phải trả không phân bổ

Theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

	Doanh thu viễn thông tin học	Doanh thu hạ tầng giao thông	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
	50.892.044.834	258.715.489.803	16.085.622.017	325.693.156.654
	6.278.618.288	23.046.871.714	8.528.994.963	37.854.484.965
	-	-	-	1.662.736.018
	-	-	-	372.064.119.269
	-	-	-	146.161.413.181

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Công ty con
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	(1)
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	Công ty con
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	(2)
Công ty Cổ phần Intelnet	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phần mềm Bestarion	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Global - Sitem	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần In No	Công ty cùng Tập đoàn
Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Lâm Thiếu Quân	Thành viên HĐQT
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Trương Thị Phương Dung	Kế toán trưởng

(1) Công ty con đã giải thể trong năm nay.

(2) Công ty liên kết đã giải thể trong năm nay.

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.724.819.022	5.192.458.080
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	1.840.343.208	1.808.569.148
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	2.246.812.971	2.123.162.153
- Công ty TNHH Global - Sitem	804.643.121	723.566.741
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	676.600.152	229.504.826
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	115.889.000	300.755.212
- Công ty Cổ phần Intelnet	40.530.570	6.900.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	13.255.108.707	3.239.576.184
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	4.375.500	96.000.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	1.082.723.330	265.226.184
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	7.674.715.000	1.858.350.000
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	3.713.030.000	1.020.000.000
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	3.000.000	-
- Công ty TNHH Global - Sitem	777.264.877	-

Giao dịch phát sinh trong năm (tiếp theo):

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Cổ tức được chia	16.357.132.000	32.689.135.400
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	1.680.882.000	2.520.769.800
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	2.255.059.000	16.400.432.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	11.671.191.000	7.702.300.000
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	-	4.500.000.000
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	-	1.565.633.600
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	750.000.000	-
Lãi cho vay	43.288.468	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	43.288.468	-
Lãi đi vay	2.707.849.315	3.035.342.467
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	2.362.547.945	3.035.342.467
- Ông Nguyễn Vinh Thuận	163.205.480	-
- Bà Trương Thị Phương Dung	182.095.890	-
Chi phí bán hàng	35.464.781	12.714.250
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	21.547.531	7.645.250
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	13.917.250	5.069.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(702.756.302)	(581.045.383)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	(62.936.300)	(57.674.175)
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	(242.879.144)	(246.349.193)
- Công ty TNHH Global - Sitem	(236.805.858)	(209.536.815)
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	(19.245.000)	(16.880.000)
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	264.710.000	(12.775.000)
- Công ty Cổ phần Intelnet	(405.600.000)	(37.830.200)
Thanh lý công cụ dụng cụ	-	3.000.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	-	3.000.000
Thu nhập do thu tiền VSOP	-	475.768.945
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	-	-18.051.120
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	-	457.717.825
Mượn tiền	3.200.000.000	10.300.000.000
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	3.000.000.000	7.300.000.000
- Công ty Cổ phần Intelnet	-	3.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	200.000.000	-
Trả lại tiền mượn	23.200.000.000	10.300.000.000
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	3.000.000.000	7.300.000.000
- Công ty Cổ phần Intelnet	-	3.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	200.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	20.000.000.000	-

Giao dịch phát sinh trong năm (tiếp theo):

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Góp vốn	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty Cổ phần Intelnet	3.000.000.000	3.000.000.000
Rút vốn	20.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	20.000.000.000	-
Nhận quỹ phúc lợi	189.437.000	737.737.193
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	8.800.000	48.848.367
- Công ty TNHH Global - Sitem	75.283.000	240.581.826
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	105.354.000	448.307.000
Cho mượn tiền	600.000.000	400.000.000
- Công ty Cổ phần Intelnet	-	400.000.000
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	600.000.000	-
Thu lại tiền cho mượn	500.000.000	400.000.000
- Công ty Cổ phần Intelnet	-	400.000.000
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	500.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		3.500.379.688	3.906.681.853
- Ông Lâm Thiếu Quân	Thành viên HĐQT	530.457.143	1.278.804.714
- Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.323.300.000	1.090.987.612
- Bà Trương Thị Phương Dung	Kế toán trưởng	611.922.545	599.364.000
- Bà Doãn Thị Bích Ngọc	Chủ tịch HĐQT	92.700.000	74.358.065
- Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên HĐQT	62.700.000	62.100.000
- Ông Đinh Hoài Châu	Thành viên HĐQT	73.500.000	36.900.000
- Ông Lưu Đức Khánh	(1)	-	35.100.000
- Ông Mạc Quang Huy	(1)	-	42.319.355
- Ông Nguyễn Đức Thắng	(1)	-	52.974.194
- Ông Mai Hoài An	(2)	46.800.000	-
- Ông Nguyễn Ngọc Trung	(3)	46.800.000	-
- Ông Trần Bằng Việt	(3)	55.800.000	-
- Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng Ban Kiểm soát	-	46.200.000
- Bà Đỗ Thị Thu Hà	Giám đốc Kiểm soát nội bộ, thành viên Ban kiểm soát	614.700.000	549.773.913
- Bà Mai Ngọc Phượng	(4)	22.800.000	37.800.000
- Bà Trần Thị Thu Tâm	(5)	18.900.000	-

- (1) Thành viên HĐQT miễn nhiệm, từ nhiệm trong năm trước.
- (2) Phó chủ tịch HĐQT bổ nhiệm trong năm nay.
- (3) Thành viên HĐQT bổ nhiệm trong năm nay.
- (4) Thành viên Ban kiểm soát từ nhiệm trong năm nay.
- (5) Thành viên Ban kiểm soát bổ nhiệm trong năm nay.

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

		
Phạm Thị Bích Thảo Người lập	Trương Thị Phương Dung Kế toán trưởng	Nguyễn Vinh Thuận Tổng Giám đốc TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2024